

Chi tiết mã HS 9606.30.10

Mã HS	9606.30.10
Mô tả hàng hóa	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank) / - Lõi khuy và các bộ phận khác của khuy; khuy chưa hoàn chỉnh: / - - Bằng plastic
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 17:25:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96063010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18891
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18891
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18891
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NG-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NG-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NG-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NG-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NG-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NG-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NG-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NG-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18153
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18082
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18082
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18082
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18082
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18082
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18082
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18138
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18138

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18138
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18138
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18138
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18138
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18139
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18139
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18139
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18139
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18139
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18139
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18144
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18101
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18096
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18096
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18096
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18096
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18096
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18096
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18144
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18144
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18144
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18144
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18144
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18144
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18208
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18208

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18208
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18208
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18208
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18208
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18182
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18182
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18182
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18182
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18182
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18182
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18175
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18175
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18175
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18175
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18175
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18175
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18205
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18205
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18205
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18205
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18205
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18205
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18204
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18204
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18204
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18204

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18204
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18204
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18298
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18298
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18298
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18298
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18298
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18298
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18298
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18169
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18169
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18169
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18169
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18169
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18169
RCEP B	2022	2022	0	B!D18169
RCEP B	2023	2023	0	B!E18169
RCEP B	2024	2024	0	B!F18169
RCEP B	2025	2025	0	B!G18169
RCEP B	2026	2026	0	B!H18169
RCEP B	2027	2027	0	B!I18169
RCEP C	2022	2022	0	C!D18167
RCEP C	2023	2023	0	C!E18167
RCEP C	2024	2024	0	C!F18167
RCEP C	2025	2025	0	C!G18167
RCEP C	2026	2026	0	C!H18167

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18167
RCEP D	2022	2022	0	D!D18166
RCEP D	2023	2023	0	D!E18166
RCEP D	2024	2024	0	D!F18166
RCEP D	2025	2025	0	D!G18166
RCEP D	2026	2026	0	D!H18166
RCEP D	2027	2027	0	D!I18166
RCEP E	2022	2022	0	E!D18171
RCEP E	2023	2023	0	E!E18171
RCEP E	2024	2024	0	E!F18171
RCEP E	2025	2025	0	E!G18171
RCEP E	2026	2026	0	E!H18171
RCEP E	2027	2027	0	E!I18171
RCEP F	2022	2022	0	F!D18169
RCEP F	2023	2023	0	F!E18169
RCEP F	2024	2024	0	F!F18169
RCEP F	2025	2025	0	F!G18169
RCEP F	2026	2026	0	F!H18169
RCEP F	2027	2027	0	F!I18169
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17033
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17033
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17033
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17033

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	----------------------	-------------------	-------------	------------------------

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9606.30 có 2 dòng thuế; dòng 9606.30.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bằng plastic.	9606.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9606.30.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9606.30.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18891), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.